

Số: 01 /TB-MNKĐ

Quận 8, ngày 02 tháng 01 năm 2025

THÔNG BÁO  
CÁC KHOẢN THU TRONG THÁNG 01 (15 ngày)

| STT | Nguồn thu                                                | Đơn vị tính    | Mức thu theo quy định                 | Mức thu theo từng khối |                       |               |
|-----|----------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------------|
|     |                                                          |                |                                       | Nhà trẻ                | Mẫu giáo (Mầm - Chồi) | Mẫu giáo (Lá) |
|     | I. Học phí                                               |                |                                       |                        |                       |               |
| 1   | Học phí                                                  | học sinh/tháng | Nhà trẻ: 200.000<br>Mẫu giáo: 160.000 | 200.000                | 160.000               | Miễn          |
|     | II. Thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục       |                |                                       |                        |                       |               |
| 2   | Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú      | học sinh/tháng | 330.000                               | 330.000                | 330.000               | 330.000       |
| 3   | Dịch vụ phục vụ ăn sáng                                  | học sinh/tháng | 170.000                               | 170.000                | 170.000               | 170.000       |
| 4   | Dịch vụ nhân viên nuôi dưỡng                             | học sinh/tháng | 90.000                                | 90.000                 | 90.000                | 90.000        |
|     | III. Các khoản thu cho cá nhân học sinh                  |                |                                       |                        |                       |               |
| 5   | Tiền suất ăn trưa bán trú                                | học sinh/ngày  | 35.000                                | 525.000                | 525.000               | 525.000       |
| 6   | Tiền suất ăn sáng                                        | học sinh/ngày  | 11.500                                | 172.500                | 172.500               | 172.500       |
| 7   | Tiền nước uống                                           | học sinh/tháng | 15.000                                | 15.000                 | 15.000                | 15.000        |
|     | TỔNG CỘNG (học sinh cũ)                                  |                |                                       | 1.502.500              | 1.462.500             | 1.302.500     |
| 8   | Học phẩm                                                 | học sinh/năm   | 55.000                                | 55.000                 | 55.000                | 55.000        |
| 9   | Học cụ, học liệu                                         | học sinh/năm   | 200.000                               | 200.000                | 200.000               | 200.000       |
| 10  | Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú | học sinh/năm   | 230.000                               | 230.000                | 230.000               | 230.000       |
|     | TỔNG CỘNG (học sinh mới vào)                             |                |                                       | 1.987.500              | 1.947.500             | 1.787.500     |

PHỤ HUYNH ĐÓNG TIỀN TỪ NGÀY 02/01/2025 ĐẾN NGÀY 12/01/2025

**Lưu ý:** Trên đây là thông báo tổng các khoản thu tháng 01/2025, cha mẹ học sinh sẽ đóng tiền dựa trên phiếu thu tiền giáo viên đã phát. Các khoản trên chưa có tiền học các môn năng khiếu.

- Nơi nhận:
- Cha mẹ học sinh;
  - Giáo viên;
  - Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG  
  
Đặng Cẩm Hương